

Số: /SGDDĐT-QLCL-CTHSSV

Khánh Hòa, ngày tháng 4 năm 2026

V/v rà soát và giao chỉ tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các trường phổ thông công lập trực thuộc Sở.

Để có cơ sở lập kế hoạch duy trì và xây dựng trường mầm non, trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 01-TU/NQ ngày 03/10/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Khánh Hòa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường, các trường phổ thông công lập trực thuộc Sở thực hiện một số công việc sau:

### **1. Rà soát tình hình xây dựng trường mầm non, trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia**

- Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trung học cơ sở công lập thuộc địa bàn quản lý theo mẫu trong Phụ lục 1.

- Các trường phổ thông công lập trực thuộc Sở báo cáo kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo mẫu trong Phụ lục 1.

- Đối với các trường hết hạn công nhận trường chuẩn theo quy định (5 năm)<sup>1</sup>, các trường đáp ứng các tiêu chuẩn trường chuẩn phải tiến hành tự đánh giá và đề nghị đánh giá ngoài để công nhận lại đạt chuẩn quốc gia.

Đối với các trường không đáp ứng các tiêu chuẩn trường chuẩn sẽ không còn được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

- Sau khi rà soát và tổng hợp thông tin từ các đơn vị gửi về, Sở sẽ công bố danh sách các trường đạt chuẩn quốc gia trên trang thông tin của Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **2. Giao chỉ tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

- Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện chỉ tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 trong Phụ lục 2a, Phụ lục 2b.

<sup>1</sup> Khoản 2 Điều 38 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT.

Căn cứ số lượng trường đạt chuẩn quốc gia được giao, Ủy ban nhân dân các xã, phường lập danh sách các trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2030 theo mẫu trong Phụ lục 3.

Căn cứ chỉ tiêu của địa phương giao, các trường mầm non, trường phổ thông công lập thuộc địa bàn xã, phường xây dựng kế hoạch để duy trì hoặc phấn đấu đạt chuẩn quốc gia.

- Sở Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu xây dựng trường phổ thông công lập trực thuộc Sở trong Phụ lục 4. Căn cứ chỉ tiêu của Sở giao, các trường phổ thông công lập trực thuộc Sở xây dựng kế hoạch để duy trì hoặc phấn đấu đạt chuẩn quốc gia.

Các trường gửi kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn (phấn đấu đối với trường chưa đạt chuẩn, duy trì đối với trường đã đạt chuẩn) về Sở **trước ngày 20/4/2026**, trong đó cần ghi rõ các đề xuất, kiến nghị để phấn đấu hoặc duy trì đạt chuẩn quốc gia.

- Chỉ tiêu giao thực hiện trường đạt chuẩn quốc gia được căn cứ vào chỉ tiêu trong mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 03/10/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa và số lượng trường mầm non, trường phổ thông tại thời điểm năm học 2025-2026. Trong quá trình lập kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của xã, phường, các địa phương có thể căn cứ vào lộ trình sắp xếp, sáp nhập cơ sở giáo dục trên địa bàn để lập kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn đơn vị, nhưng tỷ lệ trường mầm non, trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia phải bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu đã được giao trong Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 03/10/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa.

### **3. Về đánh giá ngoài công nhận trường đạt chuẩn quốc gia**

a) Căn cứ để tự đánh giá, đánh giá ngoài công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được thực hiện theo các văn bản:

- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

- Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non.

#### b) Quy trình và thủ tục đánh giá ngoài công nhận đạt chuẩn quốc gia

Quy trình và thủ tục đánh giá ngoài để công nhận đạt chuẩn quốc gia được thực hiện theo các quy định hiện hành<sup>2</sup>. Các trường<sup>3</sup> nộp hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Đối với trường mầm non đề nghị đánh giá ngoài công nhận đạt chuẩn quốc gia: thực hiện Mã số TTHC 1.000288;

- Đối với trường tiểu học đề nghị đánh giá ngoài công nhận đạt chuẩn quốc gia: thực hiện Mã số TTHC 1.000280;

- Đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đề nghị đánh giá ngoài công nhận đạt chuẩn quốc gia: thực hiện Mã số TTHC 1.000691.

LƯU Ý: Căn cứ quy định tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, kể từ ngày 01/01/2026<sup>4</sup>, các trường chỉ còn đề nghị đánh giá ngoài để công nhận đạt chuẩn quốc gia, không còn đề nghị đánh giá ngoài công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục. Vì vậy trình bày báo cáo tự đánh giá và lập tờ trình đề nghị đánh giá ngoài, các trường chỉ tập trung nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

<sup>2</sup> Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; kiểm định chất lượng giáo dục; văn bằng, chứng chỉ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã.

<sup>3</sup> Trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

<sup>4</sup> Điểm a Khoản 3 Điều 2 Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường, các trường phổ thông công lập trực thuộc Sở nghiên cứu triển khai thực hiện. Các báo cáo theo mẫu trong Phụ lục 1, Phụ lục 3 (các đơn vị có thể tích hợp Phụ lục 1 và Phụ lục 3 thành 01 biểu báo cáo chung) xin gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 20/4/2026**.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Quản lý chất lượng – Công tác học sinh sinh viên) để được hướng dẫn bổ sung hoặc trao đổi thống nhất./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu VT, QLCL-CTHSSV (Trong, Lợi).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Sơn**

**Phụ lục 1**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL-CTHSSV ngày /02/2026  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ (PHƯỜNG) ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP  
KẾT QUẢ XÂY DỰNG TRƯỜNG CÔNG LẬP ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Stt	Tên trường	Kết quả đạt được						Đạt chuẩn	Ghi chú
		TC1	TC2	TC3	TC4	TC5			
1	MN A								
2	TH B								
3	TH&THCS C								

**NGƯỜI BÁO CÁO**

....., ngày tháng năm 2026  
**LÃNH ĐẠO UBND CẤP XÃ**

\* Hướng dẫn:

- Viết tắt: TC1 (Tiêu chuẩn 1), ..., TC5 (Tiêu chuẩn 5)
- Trong từng tiêu chuẩn, ghi mức đạt được (tự đánh giá hoặc đã được đánh giá):  
Mức 1 ghi số “1”, Mức 2 ghi số “2”, Mức 3 ghi số “3”.
- Cột Đạt chuẩn:
  - + Nếu chưa đạt chuẩn, ghi “Chưa đạt”;
  - + Nếu đã đạt chuẩn thì ghi mức độ đạt: Mức độ 1 ghi “MĐ1”, Mức độ 2 ghi “MĐ2”, đồng thời ghi thông tin Quyết định công nhận (số, kí hiệu, ngày tháng năm ban hành) vào cột Ghi chú.

**Phụ lục 2a**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL-CTHSSV ngày /02/2026  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

**CHỈ TIÊU  
XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA  
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

Stt	Tên xã, phường	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn và duy trì trong từng năm					Tỷ lệ đạt năm 2030
			2026	2027	2028	2029	2030	
1	Nha Trang	13	8	9	9	10	10	76,9
2	Bắc Nha Trang	9	6	6	6	7	7	77,8
3	Tây Nha Trang	7	5	5	5	6	6	85,7
4	Nam Nha Trang	6	4	4	4	5	5	83,3
5	Bắc Cam Ranh	5	3	4	4	4	4	80,0
6	Cam Ranh	4	4	4	4	4	4	100,0
7	Cam Linh	3	2	3	3	3	3	100,0
8	Ba Ngòi	2	1	1	1	2	2	100,0
9	Nam Cam Ranh	4	2	2	2	3	3	75,0
10	Bắc Ninh Hòa	3	2	2	2	3	3	100,0
11	Ninh Hòa	7	4	4	4	5	6	85,7
12	Tân Định	3	3	3	3	3	3	100,0
13	Đông Ninh Hòa	5	2	2	2	3	4	80,0
14	Hòa Thắng	3	3	3	3	3	3	100,0
15	Nam Ninh Hòa	4	2	2	2	3	3	75,0
16	Tây Ninh Hòa	2	1	1	1	2	2	100,0
17	Hòa Trí	3	2	2	2	3	3	100,0
18	Đại Lãnh	3	2	2	2	3	3	100,0
19	Tu Bông	3	3	3	3	3	3	100,0
20	Vạn Thắng	2	2	2	2	2	2	100,0
21	Vạn Ninh	4	3	3	3	3	3	75,0
22	Vạn Hưng	2	2	2	2	2	2	100,0
23	Diên Khánh	4	4	4	4	4	4	100,0
24	Diên Lạc	3	3	3	3	3	3	100,0
25	Diên Điền	3	2	3	3	3	3	100,0
26	Diên Lâm	3	3	3	3	3	3	100,0
27	Diên Thọ	3	3	3	3	3	3	100,0
28	Súoi Hiệp	3	3	3	3	3	3	100,0
29	Cam Lâm	9	8	8	8	8	8	88,9
30	Súoi Dầu	1	1	1	1	1	1	100,0
31	Cam Hiệp	1	0	1	1	1	1	100,0
32	Cam An	3	3	3	3	3	3	100,0
33	Bắc Khánh Vĩnh	2	2	2	2	2	2	100,0
34	Trung Khánh Vĩnh	2	2	2	2	2	2	100,0
35	Tây Khánh Vĩnh	3	1	1	2	2	2	66,7

36	Nam Khánh Vĩnh	4	2	2	2	3	3	75,0
37	Khánh Vĩnh	3	3	3	3	3	3	100,0
38	Khánh Sơn	4	2	2	2	3	3	75,0
39	Tây Khánh Sơn	2	1	1	1	2	2	100,0
40	Đông Khánh Sơn	3	1	1	2	2	2	66,7
41	Phan Rang	3	2	2	3	3	3	100,0
42	Đông Hải	3	3	3	3	3	3	100,0
43	Ninh Chữ	3	2	2	3	3	3	100,0
44	Bảo An	2	2	2	2	2	2	100,0
45	Đô Vinh	2	2	2	2	2	2	100,0
46	Ninh Phước	4	2	2	2	3	3	75,0
47	Phước Hữu	2	1	1	1	2	2	100,0
48	Phước Hậu	3	1	1	1	2	2	66,7
49	Thuận Nam	3	2	2	2	2	2	66,7
50	Cà Ná	2	1	1	2	2	2	100,0
51	Phước Hà	2	0	1	1	1	1	50,0
52	Phước Dinh	2	1	2	2	2	2	100,0
53	Ninh Hải	3	3	3	3	3	3	100,0
54	Xuân Hải	5	2	2	2	3	3	60,0
55	Vĩnh Hải	3	2	2	2	3	3	100,0
56	Thuận Bắc	3	3	3	3	3	3	100,0
57	Công Hải	2	1	1	1	1	1	50,0
58	Ninh Sơn	2	2	2	2	2	2	100,0
59	Lâm Sơn	2	2	2	2	2	2	100,0
60	Anh Dũng	2	2	2	2	2	2	100,0
61	Mỹ Sơn	2	1	2	2	2	2	100,0
62	Bác Ái Đông	2	1	2	2	2	2	100,0
63	Bác Ái	3	2	2	2	2	2	66,7
64	Bác Ái Tây	3	2	2	2	2	2	66,7
<b>Tổng cộng</b>		<b>216</b>	<b>152</b>	<b>161</b>	<b>166</b>	<b>187</b>	<b>189</b>	
Tỷ lệ đạt từng năm			70,4	74,5	76,9	86,6	87,5	

**Phụ lục 2b**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL-CTHSSV ngày /02/2026  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

**CHỈ TIÊU  
XÂY DỰNG TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÔNG LẬP ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA  
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

Stt	Tên xã, phường	Tổng số trường	Số trường đạt chuẩn và duy trì trong từng năm					Tỷ lệ đạt năm 2030
			2026	2027	2028	2029	2030	
1	Nha Trang	20	14	14	14	16	16	80,0
2	Bắc Nha Trang	17	14	14	14	14	14	82,4
3	Tây Nha Trang	13	9	9	10	11	11	84,6
4	Nam Nha Trang	14	10	11	11	12	12	85,7
5	Bắc Cam Ranh	7	5	5	5	6	6	85,7
6	Cam Ranh	6	4	4	5	5	5	83,3
7	Cam Linh	4	3	3	4	4	4	100,0
8	Ba Ngòi	4	3	3	4	4	4	100,0
9	Nam Cam Ranh	8	7	7	7	7	7	87,5
10	Bắc Ninh Hòa	6	3	3	4	5	5	83,3
11	Ninh Hòa	10	6	6	7	8	8	80,0
12	Tân Định	6	3	3	4	5	5	83,3
13	Đông Ninh Hòa	9	3	3	5	7	8	88,9
14	Hòa Thắng	6	2	3	4	5	5	83,3
15	Nam Ninh Hòa	7	1	2	3	5	6	85,7
16	Tây Ninh Hòa	4	2	2	3	4	4	100,0
17	Hòa Trí	6	3	4	4	5	5	83,3
18	Đại Lãnh	5	4	4	4	4	4	80,0
19	Tu Bông	6	6	6	6	6	6	100,0
20	Vạn Thắng	4	4	4	4	4	4	100,0
21	Vạn Ninh	8	7	7	7	7	7	87,5
22	Vạn Hưng	3	3	3	3	3	3	100,0
23	Diên Khánh	8	8	8	8	8	8	100,0
24	Diên Lạc	5	5	5	5	5	5	100,0
25	Diên Điền	5	5	5	5	5	5	100,0
26	Diên Lâm	4	3	3	4	4	4	100,0
27	Diên Thọ	4	4	4	4	4	4	100,0
28	Súoi Hiệp	4	4	4	4	4	4	100,0
29	Cam Lâm	20	18	18	18	18	18	90,0
30	Súoi Dầu	3	3	3	3	3	3	100,0
31	Cam Hiệp	1	1	1	1	1	1	100,0
32	Cam An	5	4	4	4	4	4	80,0
33	Bắc Khánh Vĩnh	2	2	2	2	2	2	100,0
34	Trung Khánh Vĩnh	3	1	1	1	2	2	66,7
35	Tây Khánh Vĩnh	3	2	2	2	2	2	66,7

36	Nam Khánh Vĩnh	5	3	3	3	4	4	80,0
37	Khánh Vĩnh	7	4	4	5	6	6	85,7
38	Khánh Sơn	5	2	2	3	4	4	80,0
39	Tây Khánh Sơn	3	1	1	1	2	2	66,7
40	Đông Khánh Sơn	5	3	3	3	4	4	80,0
41	Phan Rang	13	11	11	11	11	11	84,6
42	Đông Hải	8	4	4	6	7	7	87,5
43	Ninh Chữ	6	4	4	5	5	5	83,3
44	Bảo An	6	4	4	4	5	5	83,3
45	Đô Vinh	8	6	6	7	7	7	87,5
46	Ninh Phước	16	13	13	13	14	14	81,3
47	Phước Hữu	8	5	5	6	7	7	87,5
48	Phước Hậu	12	8	8	9	10	10	83,3
49	Thuận Nam	8	7	7	7	7	7	87,5
50	Cà Ná	4	2	3	3	4	4	100,0
51	Phước Hà	3	1	1	2	2	2	66,7
52	Phước Dinh	8	6	6	7	7	7	87,5
53	Ninh Hải	9	7	7	7	8	8	88,9
54	Xuân Hải	11	10	10	10	10	10	90,9
55	Vĩnh Hải	8	5	6	6	7	7	87,5
56	Thuận Bắc	8	5	6	6	7	7	87,5
57	Công Hải	4	2	2	2	3	3	75,0
58	Ninh Sơn	8	6	6	7	7	7	87,5
59	Lâm Sơn	8	5	5	6	7	7	87,5
60	Anh Dũng	5	2	2	3	3	4	80,0
61	Mỹ Sơn	6	4	4	5	5	5	83,3
62	Bác Ái Đông	5	3	3	4	4	4	80,0
63	Bác Ái	5	4	4	4	4	4	80,0
64	Bác Ái Tây	8	4	4	5	6	6	75,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>450</b>	<b>317</b>	<b>324</b>	<b>353</b>	<b>386</b>	<b>389</b>	<b>86,2</b>
	Tỷ lệ đạt từng năm		70,4	72,0	78,4	85,8	86,4	

**Phụ lục 3**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL-CTHSSV ngày /02/2026  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ (PHƯỜNG) ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ  
XÂY DỰNG TRƯỜNG CÔNG LẬP ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA  
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

Stt	Tên trường	Năm đạt và duy trì đạt chuẩn quốc gia				
		2026	2027	2028	2029	2030
01	MN ....					
02	TH ....					
03	TH&THCS ...					
	...					

**NGƯỜI BÁO CÁO**

....., ngày tháng năm 2026  
**LÃNH ĐẠO UBND CẤP XÃ**

\* Đánh dấu X vào năm trường đạt và duy trì đạt chuẩn quốc gia.  
(Tham khảo cách ghi ở Phụ lục 4)

**Phụ lục 4**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL-CTHSSV ngày /02/2026  
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

**DANH SÁCH CHỈ TIÊU  
CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TRỰC THUỘC  
ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

Stt	Tên trường	Năm đạt và duy trì đạt chuẩn quốc gia				
		2026	2027	2028	2029	2030
01	THPT Hoàng Văn Thụ	X	X	X	X	X
02	THPT Ngô Gia Tự	X	X	X	X	X
03	THPT Chu Văn An		X	X	X	X
04	THPT Tháp Chàm	X	X	X	X	X
05	THPT Trần Hưng Đạo		X	X	X	X
06	THPT Phan Bội Châu - Cam Ranh	X	X	X	X	X
07	THPT Lê Duẩn				X	X
08	THPT chuyên Lê Quý Đôn – Đông Hải	X	X	X	X	X
09	THPT Trần Quý Cáp			X	X	X
10	THPT Chuyên Lê Quý Đôn – Nam Nha Trang			X	X	X
11	THPT Lý Tự Trọng		X	X	X	X
12	THPT Nguyễn Văn Trỗi		X	X	X	X
13	THPT Phạm Văn Đồng - Nha Trang	X	X	X	X	X
14	THPT Hà Huy Tập	X	X	X	X	X
15	THPT Ninh Hải	X	X	X	X	X
16	THPT Nguyễn Trãi - Ninh Hòa	X	X	X	X	X
17	THPT Trần Cao Vân	X	X	X	X	X
18	THPT Nguyễn Chí Thanh			X	X	X
19	THPT Nguyễn Trãi- Phan Rang		X	X	X	X
20	PT DTNT THPT Ninh Thuận	X	X	X	X	X
21	THPT Trần Bình Trọng	X	X	X	X	X
22	THPT Nguyễn Huệ - Cam Lâm	X	X	X	X	X
23	THPT Hoàng Hoa Thám	X	X	X	X	X
24	THPT Nguyễn Thái Học	X	X	X	X	X
25	THPT Tôn Đức Thắng – Nam Ninh Hòa				X	X
26	THPT An Phước	X	X	X	X	X

27	THPT Nguyễn Huệ-Ninh Phước				X	X
28	THPT Trường Chinh			X	X	X
29	THPT Nguyễn Du-Ninh Sơn				X	X
30	THPT Phạm Văn Đồng -Phước Hậu	X	X	X	X	X
31	THPT Đoàn Thị Điểm		X	X	X	X
32	THPT Tô Văn Ôn			X	X	X
33	THPT Lê Hồng Phong	X	X	X	X	X
34	THPT Huỳnh Thúc Kháng	X	X	X	X	X
35	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	X	X	X	X	X
36	THPT Phan Chu Trinh	X	X	X	X	X
37	THPT Tôn Đức Thắng-Xuân Hải	X	X	X	X	X
38	THCS& THPT Trần Hưng Đạo				X	X
39	THCS&THPT Đặng Chí Thanh				X	X
40	THCS&THPT Nguyễn Văn Linh				X	X
41	Phổ thông Hermann Gmeiner Nha Trang			X	X	X
	<b>Tổng số trường đạt</b>	<b>22</b>	<b>28</b>	<b>34</b>	<b>41</b>	<b>41</b>
	<b>Tỷ lệ đạt từng năm</b>	<b>44,0</b>	<b>56,0</b>	<b>68,0</b>	<b>82,0</b>	<b>82,0</b>

- Dấu X là năm trường phổ thông đạt và duy trì đạt chuẩn quốc gia;
- Phần đầu đến năm 2030, có 42/50 trường phổ thông công lập trực thuộc Sở đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ đạt là 82%;
- Chỉ tiêu trên sẽ được dùng tính thi đua các trường phổ thông công lập trực thuộc Sở và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu vào cuối năm học.

Lưu ý: Trường A được công nhận đạt chuẩn vào tháng 3/2026 sẽ được tính thi đua trong năm học 2025-2026, nhưng trường B được công nhận đạt chuẩn vào tháng 10/2026 thì được tính cho năm học 2026-2027.